

Số: 4.939/CV-TC.26

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

V/v: Công bố thông tin về tình hình
thanh toán gốc, lãi

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”);
Nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Á Châu gửi nội dung công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 91/GP-NHNN ngày 19/9/2018 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 11/11/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: (84-28) 3929 0999
 - Fax: (84-28) 3839 9885
 - Email: acb@acb.com.vn
 - Website: www.acb.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:
 - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
 - Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước;
 - Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
 - Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
 - Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;



- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
 - Mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
 - Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
 - Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Mã số thuế: 0301452948

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu: báo cáo đối với tất cả các trái phiếu đang còn dư nợ tại thời điểm bắt đầu kỳ báo cáo (không bao gồm các thanh toán về mua lại/hoán đổi/chuyển đổi trái phiếu). Cụ thể:

a. Thông tin tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu định kỳ:

- Kỳ báo cáo: năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025).
- Ngày thống kê: 31/12/2025.
- Nội dung báo cáo: chi tiết theo “Phụ lục: Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu của Ngân hàng TMCP Á Châu”

b. Thông tin về hoàn thành việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu tại ngày đáo hạn: Tuân thủ.

c. Thông tin về chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu: Không phát sinh.

d. Thông tin về cập nhật thanh toán bổ sung/hoàn thành thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau khi chậm thanh toán: Không phát sinh.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên.

**NGƯỜI LẬP BIỂU
GIÁM ĐỐC PHÒNG
QUẢN TRỊ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**



Trần Trung Hiếu

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Hòa

Phụ lục: Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu của Ngân hàng TMCP Á Châu

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa *	Ngày thanh toán theo kế hoạch **	Ngày thanh toán thực tế ***	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
1	ACB.TP_VC2.20 19.01 (2)	30.000.000.000	30.000.000.000	Trả lãi	07/01/2025	07/01/2025	07/01/2025	8,5	2.556.986.301	2.556.986.301	0	0	0	0
2	ACBH2429003 (ACB12404)	2.270.000.000.000	2.270.000.000.000	Trả lãi	28/06/2025	30/06/2025	30/06/2025	6,1	138.470.000.000	138.470.000.000	0	0	0	0
3	ACBL2427004 (ACB12403)	400.000.000.000	400.000.000.000	Trả lãi	02/07/2025	02/07/2025	02/07/2025	6,0	24.000.000.000	24.000.000.000	0	0	0	0
4	ACBL2427005 (ACB12407)	170.000.000.000	170.000.000.000	Trả lãi	09/07/2025	09/07/2025	09/07/2025	6,0	10.200.000.000	10.200.000.000	0	0	0	0
5	ACBL2427006 (ACB12405)	500.000.000.000	500.000.000.000	Trả lãi	15/07/2025	15/07/2025	15/07/2025	6,0	30.000.000.000	30.000.000.000	0	0	0	0
6	ACBL2429007 (ACB12406)	500.000.000.000	500.000.000.000	Trả lãi	24/07/2025	24/07/2025	24/07/2025	6,1	30.500.000.000	30.500.000.000	0	0	0	0
7	ACBL2325001 (ACB12301)	2.500.000.000.000	0	Trả lãi	07/08/2025	07/08/2025	07/08/2025	6,5	162.500.000.000	162.500.000.000	0	0	0	0
8	ACBL2325002 (ACB12302)	2.500.000.000.000	0	Trả lãi	11/08/2025	11/08/2025	11/08/2025	6,5	162.500.000.000	162.500.000.000	0	0	0	0
9	ACBL2325003 (ACB12303)	1.500.000.000.000	0	Trả lãi	15/08/2025	15/08/2025	15/08/2025	6,5	97.500.000.000	97.500.000.000	0	0	0	0
10	ACBL2426008 (ACB12408)	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	Trả lãi	22/08/2025	22/08/2025	22/08/2025	5,5	82.500.000.000	82.500.000.000	0	0	0	0
11	ACBL2325004 (ACB12304)	1.500.000.000.000	0	Trả lãi	25/08/2025	25/08/2025	25/08/2025	6,5	97.500.000.000	97.500.000.000	0	0	0	0
12	ACBL2427009 (ACB12409)	500.000.000.000	500.000.000.000	Trả lãi	09/09/2025	09/09/2025	09/09/2025	5,7	28.500.000.000	28.500.000.000	0	0	0	0

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dự nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa *	Ngày thanh toán theo kế hoạch **	Ngày thanh toán thực tế ***	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/ năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền chưa thanh toán chậm (3)	Số tiền đã thanh toán chậm (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
13	ACBL2325005 (ACB12320)	5.000.000.000.000	0	Trả lãi	12/09/2025	12/09/2025	12/09/2025	6,5	325.000.000.000	325.000.000.000	0	0	0	0
14	ACBL2325006 (ACB12321)	2.000.000.000.000	0	Trả lãi	19/09/2025	19/09/2025	19/09/2025	6,5	130.000.000.000	130.000.000.000	0	0	0	0
15	ACBL2326007 (ACB12322)	500.000.000.000	500.000.000.000	Trả lãi	02/10/2025	02/10/2025	02/10/2025	6,3	31.500.000.000	31.500.000.000	0	0	0	0
16	ACBL2325008 (ACB12323)	900.000.000.000	0	Trả lãi	10/10/2025	10/10/2025	10/10/2025	6,5	58.500.000.000	58.500.000.000	0	0	0	0
17	ACBL2325009 (ACB12324)	2.500.000.000.000	0	Trả lãi	20/10/2025	20/10/2025	20/10/2025	6,0	150.000.000.000	150.000.000.000	0	0	0	0
18	ACBL2426011 (ACB12411)	500.000.000.000	500.000.000.000	Trả lãi	23/10/2025	23/10/2025	23/10/2025	5,0	25.000.000.000	25.000.000.000	0	0	0	0
19	ACBL2426012 (ACB12412)	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	Trả lãi	30/10/2025	30/10/2025	30/10/2025	5,0	75.000.000.000	75.000.000.000	0	0	0	0
20	ACBL2426013 (ACB12413)	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	Trả lãi	04/11/2025	04/11/2025	04/11/2025	5,0	75.000.000.000	75.000.000.000	0	0	0	0
21	ACBL2426014 (ACB12414)	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Trả lãi	06/11/2025	06/11/2025	06/11/2025	5,0	100.000.000.000	100.000.000.000	0	0	0	0
22	ACBL2429015 (ACB12415)	800.000.000.000	800.000.000.000	Trả lãi	19/11/2025	19/11/2025	19/11/2025	6,0	48.000.000.000	48.000.000.000	0	0	0	0
23	ACBL2429016 (ACB12416)	250.000.000.000	250.000.000.000	Trả lãi	18/12/2025	18/12/2025	18/12/2025	6,1	15.250.000.000	15.250.000.000	0	0	0	0
24	TPACB2018/10Y	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000	Trả lãi	19/12/2025	19/12/2025	19/12/2025	7,35	161.700.000.000	161.700.000.000	0	0	0	0
25	ACB.TP_VC2.20 19.01 (1)	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	27/12/2025	29/12/2025	29/12/2025	8,5	17.000.000.000	17.000.000.000	0	0	0	0

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dự nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa *	Ngày thanh toán theo kế hoạch **	Ngày thanh toán thực tế ***	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
26	ACBL2325001 (ACB12301)	2.500.000.000.000	0	Trả gốc	07/08/2025	07/08/2025	07/08/2025	6,5	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	0	0	0	0
27	ACBL2325002 (ACB12302)	2.500.000.000.000	0	Trả gốc	11/08/2025	11/08/2025	11/08/2025	6,5	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	0	0	0	0
28	ACBL2325003 (ACB12303)	1.500.000.000.000	0	Trả gốc	15/08/2025	15/08/2025	15/08/2025	6,5	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	0	0	0	0
29	ACBL2325004 (ACB12304)	1.500.000.000.000	0	Trả gốc	25/08/2025	25/08/2025	25/08/2025	6,5	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	0	0	0	0
30	ACBL2325005 (ACB12320)	5.000.000.000.000	0	Trả gốc	12/09/2025	12/09/2025	12/09/2025	6,5	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000	0	0	0	0
31	ACBL2325006 (ACB12321)	2.000.000.000.000	0	Trả gốc	19/09/2025	19/09/2025	19/09/2025	6,5	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	0	0	0	0
32	ACBL2325008 (ACB12323)	900.000.000.000	0	Trả gốc	10/10/2025	10/10/2025	10/10/2025	6,5	900.000.000.000	900.000.000.000	0	0	0	0
33	ACBL2325009 (ACB12324)	2.500.000.000.000	0	Trả gốc	20/10/2025	20/10/2025	20/10/2025	6,0	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	0	0	0	0

Ghi chú:

* Ngày thanh toán danh nghĩa là ngày dự kiến trả lãi/trả gốc theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

** Ngày thanh toán theo kế hoạch là ngày thanh toán danh nghĩa đã điều chỉnh theo lịch làm việc (theo nguyên tắc lấy ngày làm việc tiếp theo nếu ngày thanh toán danh nghĩa rơi vào ngày nghỉ);

*** Ngày thanh toán thực tế là ngày Tổ chức phát hành thực hiện thanh toán gốc/lãi cho người sở hữu trái phiếu.

(1) Số tiền phải thanh toán là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành có nghĩa vụ phải trả đối với từng Ngày thanh toán danh nghĩa;

(2) Số tiền đã thanh toán đúng hạn là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành đã thanh toán trước hoặc trong Ngày thanh toán theo kế hoạch tính tới hết Ngày thống kê;

(3) Số tiền đã thanh toán chậm là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành đã thanh toán nhưng sau Ngày thanh toán theo kế hoạch tính tới hết Ngày thống kê;

(4) Số tiền chưa thanh toán là phần còn lại của Số tiền phải thanh toán trừ đi Số tiền thanh toán đúng hạn và Số tiền đã thanh toán chậm.

